

BẢN TIN CẬP NHẬT VĂN BẢN

Tháng 11/2023



Điều kiện xóa nợ thuế đã quá 10 năm	2
Không có quy định chuyển lỗ trong trường hợp chi nhánh hạch toán độc lập chuyển sang hạch toán phụ thuộc	2
Phải nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn góp tại Việt Nam cho công ty cùng Tập đoàn	2
Hàng thuê gia công ngoài địa bàn ưu đãi không được hưởng ưu đãi thuế TNDN	3
Khai thuế đối với khoản thu từ thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học	3
Chính sách thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú	4
Doanh nghiệp được giảm 30% tiền thuê đất năm 2023	4
Tỷ giá hạch toán thuế nhà thầu nước ngoài	4
Các thủ tục được giảm phí khi thực hiện trực tuyến	5
Hướng dẫn về hoàn thuế đối với các tờ khai nhập khẩu tại chỗ đã nộp thuế	5
Hướng dẫn áp dụng thuế suất Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) giai đoạn 2022 -2027	6
Biểu phí cấp thị thực cho người nước ngoài kể từ 03/10/2023	7
Hướng dẫn về thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông nhập khẩu	7
Cách kê khai trị giá hải quan khi Tam xuất – Tái nhập hàng hóa	7

Ngày 12/10/2023 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 4517/TCT-QLN về điều kiện xóa nợ thuế đã quá 10 năm, theo đó:

- Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và điểm c khoản 2 Điều 65 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì doanh nghiệp có khoản nợ thuế đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi thì được xem xét xóa nợ.

- Hồ sơ đề nghị xem xét xóa nợ thuế quá 10 năm không có khả năng thu hồi bao gồm:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/XOANO ban hành kèm Phụ lục I;

+ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp đề nghị cơ quan ĐKKD hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư;

+ Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư;

+ Thông báo tiền thuế nợ tại thời điểm đề nghị xóa nợ;

+ Các Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế hoặc hồ sơ chứng minh việc đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế;

+ Văn bản có xác nhận của UBND cấp xã về việc người nộp thuế không còn tài sản, không còn hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

[Download](#)

Ngày 04/10/2023 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 4383/TCT-CS về chính sách thuế, theo đó:

Căn cứ các quy định, hướng dẫn tại Điều 7 và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, pháp luật thuế TNDN hiện hành quy định chuyển lỗ trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và **không có** quy định chuyển lỗ trong trường hợp chi nhánh hạch toán độc lập chuyển đổi sang hạch toán phụ thuộc.

[Download](#)

Ngày 17/10/2023 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 4602/TCT-CS về nghĩa vụ thuế đối với chuyển nhượng vốn góp tại Việt Nam cho công ty cùng Tập đoàn, theo đó:

- Công ty nước ngoài có kế hoạch tái cấu trúc nội bộ và chuyển giao toàn bộ vốn đầu tư tại Việt Nam sang cho Công ty nước ngoài khác cùng tập đoàn thì phải nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC. Việc kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 80/2021/TT-BTC

- Ngoài ra, trường hợp Công ty nước ngoài có chuyển giao quyền nắm giữ vốn tại Việt Nam cho Công ty khác trong tập đoàn, nếu phát sinh thu nhập thì cũng phải kê khai, nộp thuế TNDN theo quy định.

- Trường hợp Công ty chuyển nhượng và Công ty nhận chuyển nhượng vốn đều ở nước ngoài thì Công ty Việt Nam có số vốn được chuyển nhượng chịu trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn cho Công ty nước ngoài.

[Download](#)

Ngày 15/09/2023 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 4083/TCT-CS về chính sách thuế đối với hàng thuê gia công ngoài địa bàn ưu đãi thuế, theo đó:

- Công ty thực hiện dự án đầu tư tại Khu công nghiệp thuộc địa bàn ưu đãi thuế TNDN nhưng có hoạt động thuê doanh nghiệp khác không thuộc địa bàn ưu đãi thực hiện gia công thì phần thu nhập này không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn ưu đãi.

- Công ty phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế TNDN để kê khai nộp thuế riêng. Trường hợp không tính riêng được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP

[Download](#)

Ngày 05/10/2023 Cục thuế TP Hà Nội ban hành Công văn số 71493/CTHN-TTHT về thuế suất đối với khoản nhận được từ thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học, theo đó:

Trường hợp Tổ chức là đơn vị sự nghiệp công lập, được thành lập và đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ với các đối tác nước ngoài phù hợp quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì:

- Về thuế GTGT: Tổ chức thuộc đối tượng thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu là 2%.

- Về thuế TNDN:

+ Trường hợp thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư số 151/2014/TT-BTC thì Tổ chức

được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ trong thời gian thực hiện hợp đồng nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

+ Trường hợp thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư số 151/2014/TT-BTC thì thu nhập của Tổ chức từ hợp đồng này không thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN. Trường hợp Tổ chức nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ 5% trên doanh thu đối với dịch vụ theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

[Download](#)



Ngày 02/10/2023 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 70784/CTHN-TTHT về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú, theo đó:

- Các nhân viên cấp cao do Hội sở chính tại nước ngoài cử sang thăm chi nhánh tại Việt Nam trong 02 ngày được xác định là cá nhân không cư trú trong thời gian ở Việt Nam.
- Thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam đối với cá nhân không cư trú là các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.
- Các cá nhân không cư trú nhận được khoản lợi ích về nhà ở và các lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền do chi nhánh tại Việt Nam chi trả thì khoản lợi ích này được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công chịu thuế TNCN tại Việt Nam. Chi nhánh có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 20% trước khi chi trả thu nhập cho cá nhân.

[Download](#)

Ngày 03/10/2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất năm 2023, theo đó:

- Quyết định này ban hành chính sách giảm 30% tiền thuê đất áp dụng trong năm 2023.
- Đối tượng được xét giảm tiền thuê đất năm 2023 bao gồm tất cả các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp dưới hình thức trả tiền thuê hàng năm.
- Mức giảm 30% chỉ được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023, không giảm cho số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chậm nộp (nếu có).
- Trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và được khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định về tiền thuê đất thì mức giảm 30% được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và được khấu trừ (trừ số tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2-23/QĐ-TTg)
- Thời hạn nộp Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm 2023 chậm nhất ngày 31/3/2024.

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2023.

[Download](#)

Ngày 23/10/2023 Tổng Cục Thuế ban hành Công văn số 4666/TCT-CS về xác định tỷ giá hạch toán đối với thuế nhà thầu nước ngoài, theo đó:

- Nếu theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài là khoản nợ phải thu của doanh nghiệp tại Việt Nam thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch.
- Nếu theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài được tính vào giá trị tài sản hoặc các khoản chi phí mua từ nhà thầu nước ngoài mà chưa thanh toán ngay thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch.
- Nếu theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài được tính vào giá trị tài sản hoặc các khoản chi phí mua từ nhà thầu nước ngoài được thanh toán ngay bằng ngoại tệ thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

[Download](#)

Ngày 16/10/2023 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 63/2023/TT-BTC về các thủ tục được giảm phí khi thực hiện trực tuyến, theo đó:

- Thủ tục cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Thông tư số 148/2016/TT-BTC (giảm 10%, từ 1/12/2023 đến 31/12/2025);

- Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động quy định tại Thông tư số 245/2016/TT-BTC (giảm 10%, từ 1/1/2024 đến 31/12/2025);

- Thủ tục yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp quy định tại Thông tư số 263/2016/TT-BTC (giảm 50%, từ 1/1/2024 đến 31/12/2025);

- Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử quy định tại Thông tư số 287/2016/TT-BTC (giảm 10%, từ 1/12/2023 đến 31/12/2025)

- Thủ tục cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe quy định tại Thông tư số 37/2023/TT-BTC (giảm còn 115.000 đồng/lần cấp, từ 1/12/2023 đến 31/12/2025)

- Thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu quy định tại Thông tư số 25/2011/TT-BTC (giảm 10%, từ 1/1/2024 đến 31/12/2025)

- Thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề xây dựng, cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC (giảm 20%, từ 1/1/2024 đến 31/12/2025)

- Thủ tục xác thực thông tin công dân quy định tại Thông tư số 48/2022/TT-BTC (giảm 50%, từ 1/12/2023 đến 31/12/2025)

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2023.

[Download](#)

Ngày 15/09/2023, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 4795/TCHQ-TXNK về việc hoàn thuế nhập khẩu đối với các tờ khai nhập khẩu tại chỗ, theo đó:

- Về thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ: Trường hợp thương nhân nước ngoài không đáp ứng điều kiện thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam quy định tại khoản 5, Điều 3, Luật Quản lý ngoại thương thì không thuộc trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 35, Nghị định số

08/2015/NĐ-CP, doanh nghiệp không được đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ.

- Về thủ tục hải quan đối với trường hợp hàng hóa gửi kho ngoại quan:

+ Hàng hóa của các đối tượng được phép thuê kho ngoại quan, và được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan, bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu và hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba

+ Hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan phải làm thủ tục hải quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc hoàn thuế đối với tờ khai nhập khẩu tại chỗ: thuế nhập khẩu đã nộp được hoàn theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP cho trường hợp:

+ Hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh, sau đó đưa sản phẩm nhập khẩu tại chỗ vào sản xuất hàng xuất khẩu;

+ Thành phẩm đã thực tế xuất khẩu ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan.

[Download](#)



Ngày 27/09/2023 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 5021/TCHQ-TXNK về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/09/2023 của Chính Phủ, theo đó:

- Bổ sung thêm 3 nước: Malaysia, Chile và Brunei áp dụng biểu thuế xuất khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo Hiệp định CPTPP giai đoạn 2022 - 2027

- Đối với hàng hóa nhập khẩu từ Malaysia, Chi lê và Brunei vào Việt Nam:

+ Kê khai mã Biểu thuế B21 trên tờ khai nhập khẩu nếu đáp ứng các điều kiện thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP;

+ Các mặt hàng nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan theo quy định hàng năm của BCT thuộc nhóm 04.07, 17.01, 25.01 (ký hiệu TRQ1) và 24.01 (ký hiệu TRQ2):

➢ Nếu lượng nhập khẩu trong hạn ngạch TRQ1 hoặc TRQ2 và đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP thì kê khai mã Biểu thuế

B21 và áp dụng thuế suất trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II Khoản 4, Điều 5, Nghị định 115/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 (Nghị định 115).

➢ Nếu lượng nhập khẩu ngoài hạn ngạch TRQ1 hoặc TRQ2 thì áp dụng mức thuế suất nhập khẩu theo Điều 10 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 (Nghị định 26).

+ Mặt hàng ô tô đã qua sử dụng thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan:

➢ Nếu lượng nhập khẩu trong hạn ngạch và đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP thì kê khai mã Biểu thuế B22 và áp dụng thuế suất theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 5, Nghị định 115.

➢ Nếu lượng nhập khẩu ngoài hạn ngạch hoặc trong hạn ngạch nhưng không đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP thì áp dụng thuế suất nhập khẩu theo Điều 7, Nghị định 26.

- Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Malaysia, Chile, Brunei:

+ Người khai hải quan thực hiện kê khai mã số và áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu theo quy định tại Phụ lục I – Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm Nghị định 26 (hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2023).

- Về xử lý tiền thuế nộp thừa: đối với các tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào các nước Malaysia, Chile, Brunei hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước trên thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, Điều 2, Nghị định 68.

[Download](#)

Ngày 03/10/2023 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 62/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2021/TT-BTC về biểu phí cấp thị thực cho người nước ngoài, theo đó:

Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c, d Mục 2 Phần II Biểu mức thu phí, lệ phí đối với cấp thị thực có giá trị nhiều lần

- Loại có giá trị không quá 90 ngày: 50 USD/chiếc (hiện hành, loại có giá trị không quá 03 tháng)

- Loại có giá trị trên 90 ngày đến 180 ngày: 95 USD/chiếc (hiện hành, loại có giá trị trên 03 tháng đến 06 tháng)

- Loại có giá trị trên 180 ngày đến 01 năm: 135 USD/chiếc (hiện hành, loại có giá trị trên 06 tháng đến 12 tháng)

- Loại có giá trị trên 01 năm đến 02 năm: 145 USD/chiếc (hiện hành, loại có giá trị trên 12 tháng đến 02 năm)

Ngoài ra, Thông tư này có điều chỉnh tăng mức trích để lại (từ 20% lên 25%) cho tổ chức thu phí, lệ phí cấp thị thực, có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 18/11/2023.

Quy định nêu trên có hiệu lực từ ngày 03/10/2023.

[Download](#)

Ngày 18/09/2023, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 4831/TCHQ-TXNK hướng dẫn về thuế Bảo vệ môi trường đối với túi ni lông nhập khẩu, theo đó:

Trường hợp công ty nhập khẩu bao bì nếu thuộc loại bao bì để đóng gói sẵn hàng hóa, và túi ni lông đáp ứng điều kiện thân thiện với môi trường quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 159/2012/TT-BTC thì không phải chịu thuế BVMT;

Tuy nhiên, cần lưu ý, theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 159/2012/TT-BTC, trường hợp bao bì nhập khẩu đã được thông quan thì doanh nghiệp không được kê khai lại việc bao bì nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế BVMT.

[Download](#)

Ngày 12/05/2023 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 3892/TXNK-TGHQ về kê khai trị giá hải quan khi tạm xuất - tái nhập hàng hóa, theo đó:

- Đối với tờ khai tạm xuất

+ Trị giá hải quan được xác định theo trị giá của hàng hóa tại thời điểm xuất;

+ Nếu là hàng mới, chưa qua sử dụng thì trị giá hải quan được xác định trên cơ sở nguyên giá của hàng hóa và các chi phí để đưa hàng hóa đến cửa khẩu xuất. Trường hợp tạm xuất hàng hóa vào DNCX thì cửa khẩu xuất được hiểu là cổng khu chế xuất hoặc cổng DNCX;

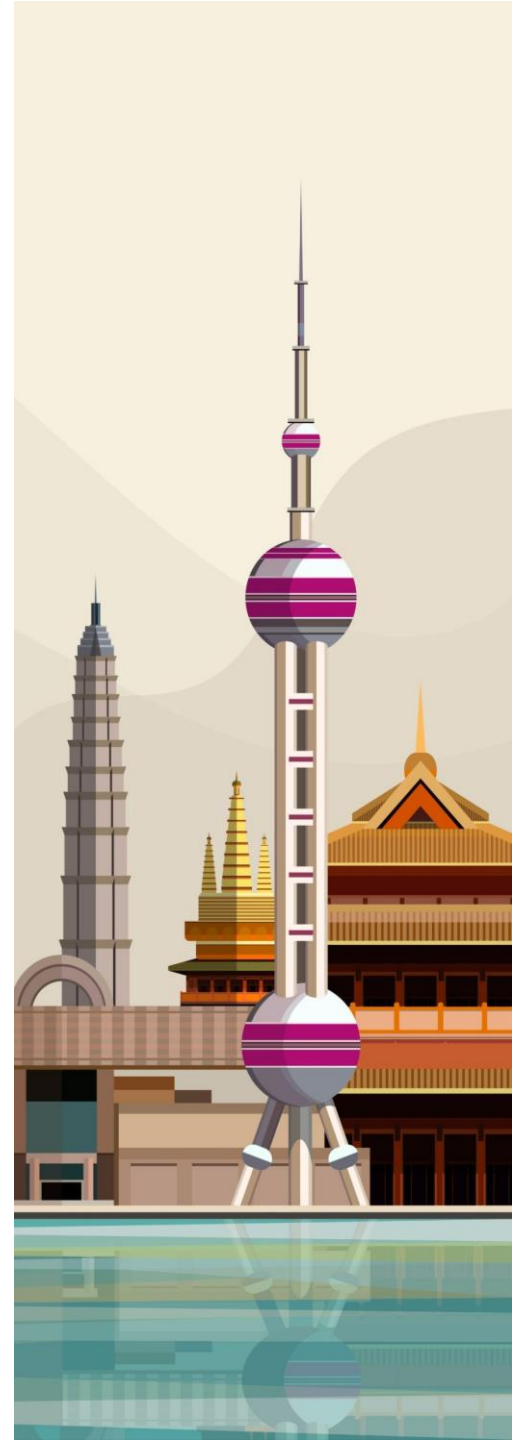
+ Trường hợp hàng hóa tạm xuất là hàng đã qua sử dụng thì trị giá hải quan được xác định trên cơ sở giá trị còn lại của hàng hóa tại thời điểm tạm xuất.

- Đối với tờ khai tái nhập:

+ Người khai hải quan xác định và kê khai trị giá hải quan của hàng hóa theo giá trị còn lại của hàng hóa tại thời điểm tái nhập.

Khi thực hiện các thủ tục tạm xuất và tái nhập, cơ quan hải quan sẽ đề nghị doanh nghiệp xuất trình các tài liệu, chứng từ kế toán để kiểm tra đối chiếu việc xác định trị giá hải quan.

[Download](#)



Thông tin liên hệ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 12 - Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân,
P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (024) 6278.2904
Fax: (024) 6278.2905
Email: anviet@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (024) 3795.8705
Fax: (024) 3795.8677
Email: anviet.hn@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 384.2430
Fax: (0225) 384.2433
Email: anviet.hp@anvietcpa.com



Ông Vũ Bình Minh

Tổng Giám đốc
Tel: 0904.347.726
Email: minh.vu@anvietcpa.com



Ông Dương Đình Ngọc

Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0983 536 303
Email: ngoc.duong@anvietcpa.com



Bà Vũ Thị Hương Giang

Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0909 866 888
Email: giang.vu@anvietcpa.com